

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Số: 21 /NQ-HĐHV

NGHỊ QUYẾT
Về việc ban hành Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam
đến năm 2030 và tầm nhìn 2045

HỘI ĐỒNG HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 20 /NQ-HĐHV ngày 15/8/2023 của Hội đồng Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 283-CV/VPTWĐ ngày 11/8/2023 của Văn phòng Trung ương Đoàn thông báo ý kiến của Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đoàn về dự thảo Chiến lược phát triển, Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Xét đề nghị của Ban Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện, các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Ban Bí thư TWĐ (để b/cáo);
- Ban Tổ chức, Văn phòng TWĐ (để b/cáo);
- Đảng ủy HV (để b/cáo);
- Lưu: TCHC, HĐHV.

**TM. HỘI ĐỒNG HỌC VIỆN
CHỦ TỊCH**



TS. Trịnh Minh Thái

CHIẾN LƯỢC

PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN 2045

(Ban hành kèm theo Nghị quyết định số 21/NQ-HĐHV ngày 15/8/2023 của Hội đồng Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (sau đây gọi tắt là Học viện), là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, đã trải qua gần 70 năm xây dựng và phát triển. Ngày 10/10/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 1769/QĐ-TTg nâng cấp Học viện thành cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân. Học viện có chức năng đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học.

Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 được xây dựng dựa trên các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục đào tạo, công tác thanh thiếu nhi và chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam; các xu thế phát triển giáo dục đại học trên thế giới; chức năng nhiệm vụ, năng lực và thế mạnh nhằm xây dựng, phát triển Học viện thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học có uy tín trong xã hội. Xây dựng chiến lược nhằm định hướng cho Học viện phát triển mạnh mẽ, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Trước bối cảnh thế giới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ, vì vậy, xây dựng “Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn năm 2045” là rất cần thiết và cấp bách. Chiến lược phát triển Học viện gồm 5 nội dung chính: bối cảnh, tình hình; sứ mệnh, giá trị cốt lõi, tầm nhìn; mục tiêu và chỉ tiêu; các giải pháp trọng tâm; tổ chức thực hiện chiến lược.

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

1. Bối cảnh quốc tế

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã làm thay đổi nhanh chóng các lĩnh vực của đời sống xã hội; tạo cơ hội cho giáo dục ứng dụng công nghệ mới trong đào tạo và tác động sâu rộng đến phương thức tổ chức giáo dục và đào tạo ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Giáo dục từ xa, giáo dục trực tuyến (E-Learning) ngày càng chiếm ưu thế và đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của giáo dục đào tạo.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng làm gia tăng cạnh tranh trong giáo dục; các nước đang đổi mới, cải cách giáo dục đại học theo hướng bảo đảm chất lượng theo những tiêu chí, chuẩn mực chung của thế giới. Các trường đại học trở thành trung tâm nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao tri thức, phục

vụ xã hội; sự liên thông, liên kết, hợp tác cùng phát triển giữa các trường đại học đang là xu thế chính hiện nay.

Khu vực ASEAN đang đẩy mạnh tiến trình xây dựng cộng đồng dựa trên ba trụ cột chính trị - an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội, trong đó giáo dục và đào tạo phải góp phần xây dựng ASEAN trở thành cộng đồng chia sẻ và đùm bọc, hướng tới mục tiêu “một cộng đồng, một bản sắc, một tầm nhìn.”

2. Bối cảnh trong nước

Việt Nam ngày càng hội nhập sâu, rộng với khu vực và thế giới, vừa có những thách thức lớn vừa có nhiều cơ hội để giáo dục đại học hội nhập. Đảng và Nhà nước đã xác định: xây dựng nền giáo dục có tính nhân dân, dân tộc, tiên tiến, hiện đại, xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng; hội nhập quốc tế sâu, rộng về giáo dục trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước tạo nhiều cơ hội và đặt ra nhiều thách thức đối với phát triển giáo dục. Đại hội Đảng lần thứ XIII tiếp tục khẳng định phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân; cần đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã xác định một trong ba đột phá là phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, vừa là cơ hội và thách thức cho giáo dục đại học.

Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tạo chuyển biến căn bản về chất lượng và hiệu quả giáo dục để giáo dục và đào tạo trở thành nhân tố quyết định sự phát triển nhanh, bền vững đất nước. Chính phủ và ngành giáo dục đang thực thi nhiều chính sách tăng cường quản lý chất lượng, phân cấp quản lý, đề cao tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học để tạo chuyển biến về chất lượng, hiệu quả.

3. Dự báo nhu cầu liên quan đến Học viện

Đảng, Nhà nước luôn quan tâm, đặt niềm tin sâu sắc, kỳ vọng to lớn, tạo mọi điều kiện thuận lợi để chăm lo, giáo dục, bồi dưỡng và phát huy thế hệ trẻ, đòi hỏi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam phải có tư duy, tầm nhìn mới, không ngừng đổi mới, sáng tạo trong đào tạo, bồi dưỡng thế hệ cán bộ đoàn vừa hồng vừa chuyên, góp phần thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Về cơ bản, nhu cầu nhân lực các ngành đào tạo của Học viện vẫn tiếp tục nhận được sự quan tâm của xã hội, nhất là nhân lực các ngành công tác thanh thiếu niên, ngành xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, ngành quản lý nhà

nước, ngành quan hệ công chúng, ngành luật, ngành công tác xã hội, ngành tâm lý học. Dự báo trong thời gian tới, nhu cầu nhân lực một số ngành sẽ tăng cao như kinh tế, quản trị kinh doanh, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, du lịch và lễ hành ...

Hiện nay đa số các tỉnh đoàn đến cơ sở vẫn chưa tự đảm nhận công tác bồi dưỡng cán bộ. Công tác nghiên cứu cần nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu của tình hình thanh thiếu niên và các chuẩn mực quốc tế nên việc tổ chức, đầu tư, thực hiện các chương trình nghiên cứu vẫn cần đến sự chủ trì, tham gia của Học viện với tư cách là trung tâm đào tạo, nghiên cứu về thanh thiếu niên có uy tín trong nước. Học viện vẫn là địa chỉ tin cậy cung cấp và xử lý thông tin nhanh, chính xác, đầy đủ, góp phần công bố các công trình nghiên cứu trên các tạp chí khoa học có uy tín.

4. Tình hình của Học viện

4.1. Quá trình phát triển

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã trải qua gần 70 năm xây dựng và phát triển với 5 lần đổi tên. Ngày 15/10/1956, Trường Huấn luyện cán bộ đoàn được thành lập với nhiệm vụ chủ yếu là mở các lớp ngắn hạn (từ 1 đến 9 tháng) để bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đoàn, công tác Đội cho các tỉnh miền Bắc.

Năm 1970, đổi tên thành Trường Đoàn Trung ương và được Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng giao nhiệm vụ đào tạo trung cấp lý luận chính trị cho cán bộ đoàn và mở thêm phân hiệu tại Bắc Thái để bồi dưỡng cán bộ các tỉnh miền núi. Năm 1975, Trường Đoàn Trung ương II thành lập đặt tại Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn các tỉnh phía Nam. Năm 1982, Trường đổi tên thành Trường Đoàn cao cấp và tổ chức đào tạo hệ đại học 4 năm. Năm 1991, trường đổi tên thành Trường Cán bộ Thanh thiếu niên Trung ương trên cơ sở hợp nhất cơ sở đào tạo tại Hà Nội và cơ sở đào tạo tại TP. Hồ Chí Minh.

Năm 1995, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được thành lập trên cơ sở hợp nhất Trường Cán bộ Thanh thiếu niên Trung ương, Viện Nghiên cứu Thanh niên, Phân viện miền Nam để phát triển thành cơ sở giáo dục đại học. Ngày 10/10/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1769-QĐ/TTg nâng cấp Học viện cơ sở giáo dục đại học công lập. Năm 2020, Trung ương Đoàn quyết định sáp nhập Tạp chí Thanh niên về trực thuộc Học viện.

4.2. Cơ cấu tổ chức

Hội đồng Học viện là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của Học viện, quyết định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển Học viện. Ban Giám đốc Học viện có trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của Học viện theo các quy định của Đảng, Nhà nước, Trung ương Đoàn. Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức. 

Học viện có các đơn vị trực thuộc, gồm: các Khoa chuyên môn (Khoa Công tác thanh thiếu niên, Khoa Chính trị học, Khoa Luật, Khoa Công tác xã hội, Khoa Cơ bản); các Phòng chức năng (Phòng Tổ chức - Hành Chính; Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên; Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Phòng Kế hoạch - Tài vụ, Phòng Quản trị); các Trung tâm (Trung tâm Bồi dưỡng, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Phát triển kỹ năng xã hội, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học); Viện Nghiên cứu thanh niên; Phân viện miền Nam và Tạp chí Thanh niên.

4.3. Hoạt động của Học viện

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng: Học viện đang đào tạo 02 ngành cao học gồm: Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Công tác xã hội và 07 ngành đại học gồm: Công tác thanh thiếu niên, Quan hệ công chúng, Công tác xã hội, Tâm lý học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Luật. Quy mô tuyển sinh cao học khoảng 100 học viện/năm; tuyển sinh đại học chính quy khoảng 1500 sinh viên/năm. Học viện đang đào tạo trung cấp lý luận chính trị và sơ cấp lý luận chính trị với quy mô hàng năm khoảng 500 học viên trung cấp lý luận chính trị và 500 học viên sơ cấp lý luận chính trị.

Học viện tổ chức bồi dưỡng cán bộ đoàn chuyên trách, Bí thư đoàn cấp cơ sở, cấp huyện, cấp tỉnh và bồi dưỡng về công tác tuyên giáo, tổ chức, kiểm tra, thiếu nhi, tổng phụ trách Đội, Hội Liên hiệp thanh niên, Hội Sinh viên theo đặt hàng của Trung ương Đoàn với quy mô khoảng 2000 đến 3000 cán bộ/năm; phối hợp với các tỉnh, thành đoàn bồi dưỡng khoảng 2000 cán bộ đoàn/năm. Học viện được Trung ương Đoàn giao tổ chức bồi dưỡng cán bộ làm công tác thanh niên cho Lào, Campuchia. Học viện đã thực hiện bồi dưỡng kiến thức tin học, ngoại ngữ; bồi dưỡng theo ngạch công chức, viên chức; huấn luyện kỹ năng cho thanh thiếu nhi.

Hoạt động nghiên cứu khoa học: Nghiên cứu về thanh thiếu nhi, công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi chủ yếu do Viện Nghiên cứu thanh niên thực hiện theo đặt hàng của Trung ương Đoàn. Nghiên cứu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng do giảng viên và sinh viên thực hiện. Số đề tài nghiên cứu cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở và số công trình công bố trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học có uy tín trong nước, quốc tế tăng nhanh; nhiều sinh viên nghiên cứu khoa học đạt các giải thưởng do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức; đã chủ trì tổ chức một số hội thảo quốc gia, quốc tế. Tạp chí Thanh niên có 5 ấn phẩm: Tạp chí Thanh niên, Tạp chí Nghiên cứu khoa học thanh niên, Tạp chí Tuổi trẻ Hạnh phúc, Tạp chí Người Phụ trách và Tạp chí Điện tử thanhnienviet.vn. Tạp chí Nghiên cứu khoa học thanh niên thuộc danh sách tính điểm của Hội đồng Giáo sư nhà nước. 

Tài sản, tài chính: Trụ sở chính của Học viện tại Hà Nội có diện tích 18.611 m² với hệ thống giảng đường được trang bị các phương tiện, thiết bị có thể đào tạo 5000 sinh viên. Phân viện miền Nam với diện tích 112.000 m² có thể đào tạo 2000 sinh viên. Nguồn tài chính của Học viện hình thành từ ngân sách Nhà nước cấp, nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu khác.

5. Điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức

5.1. Điểm mạnh

Khả năng thích ứng, chuyển đổi nhanh trong tiếp cận những ngành nghề, lĩnh vực mới; có uy tín, lợi thế về bồi dưỡng cán bộ đoàn, huấn luyện kỹ năng cho thanh thiếu nhi; nhiều cựu sinh viên thành đạt, đã và đang giữ các vị trí quản lý trong hệ thống chính trị, kinh tế và xã hội của đất nước.

Học viện là cơ sở đào tạo có bề dày truyền thống, có uy tín trong xã hội về đào tạo cán bộ chính trị xã hội; luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, Ban Bí thư Trung ương Đoàn. Học viện có truyền thống đoàn kết, nhân văn, môi trường sư phạm kỷ cương; đội ngũ giảng viên trẻ được đào tạo bài bản, tâm huyết.

Hệ thống cơ sở thực tế, thực hành, thực tập đa dạng là điều kiện thuận lợi để tăng cường đào tạo thực hành, nâng cao chất lượng đào tạo; cơ sở vật chất tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh cho phép tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo.

5.2. Điểm yếu

Các ngành đại học, sau đại học còn ít, trong đó một số ngành còn thiếu hấp dẫn; quy mô đào tạo chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của Học viện.

Trình độ, năng lực giảng viên hạn chế, số tiến sĩ tăng nhưng còn chậm, thiếu chuyên gia đầu ngành. Cơ cấu tổ chức, phương pháp quản lý đào tạo, nghiên cứu chưa phù hợp với mô hình quản trị đại học hiện đại. Số lượng cán bộ có học hàm, học vị cao còn thiếu so với yêu cầu phát triển; viên chức quản lý điều trưởng thành từ chuyên môn, ít được đào tạo về thực tiễn quản trị đại học.

Chương trình đào tạo chưa thực sự tiếp cận với những tiến bộ khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế, chưa phát huy năng lực tự học và tính sáng tạo của người học. Chưa có chương trình đạt chuẩn khu vực, tính cạnh tranh của một số ngành đào tạo chưa cao.

Năng lực nghiên cứu khoa học chưa cao, số công trình được công bố trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế chưa nhiều; chất lượng, uy tín khoa học và ảnh hưởng của Tạp chí Thanh niên còn hạn chế, các hoạt động sau mặt báo quy mô nhỏ, thiếu hấp dẫn. Năng lực hội nhập quốc tế trong đào tạo và khoa học công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu; thiếu kinh nghiệm và năng lực cạnh tranh khi tham

gia đầu đầu các nhiệm vụ khoa học công nghệ trọng điểm quốc gia, khu vực và quốc tế.

Hạ tầng cơ sở vật chất đã được đầu tư nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển trong tương lai, cơ sở vật chất tại Phân viện miền Nam còn thiếu, thiết bị chưa hiện đại, đồng bộ; giải quyết vấn đề đất đai tại Phân viện miền Nam khó khăn, phức tạp; các hoạt động bồi dưỡng và báo chí chưa mang lại nhiều lợi ích kinh tế.

5.3. Thời cơ

Học viện có cơ hội tiếp cận, mở rộng hợp tác, học tập kinh nghiệm đào tạo, nghiên cứu khoa học của các trường đại học trong nước, thế giới.

Học viện có thể nhanh chóng tiếp cận và chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu nhân lực ngày càng đa dạng và yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

5.4. Thách thức

Cạnh tranh trong giáo dục ngày càng tăng là thách thức lớn khi quy mô đào tạo còn chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của Học viện; sự thiếu hụt cán bộ đầu ngành, chảy máu chất xám, khó thu hút, nguồn nhân lực chất lượng cao là thách thức lớn đối với Học viện.

Đào tạo nhân lực chất lượng cao, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế là một thách thức trong điều kiện chi phí đào tạo thấp khi Học viện chưa thực hiện tự chủ.

Mâu thuẫn giữa mong muốn nhanh chóng mở rộng và phát triển, nâng tầm Học viện với khả năng về các nguồn lực còn hạn chế.

II. SỨ MỆNH, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Sứ mệnh

Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, cung cấp nguồn cán bộ có chất lượng cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và hệ thống chính trị; đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu, cung cấp các luận cứ về khoa học và thực tiễn cho Trung ương Đoàn quyết định các chủ trương về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi.

2. Tầm nhìn

Đến năm 2045, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo đại học trong nhóm đầu, có uy tín ở Việt Nam; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, lãnh đạo trẻ có chất lượng cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, hệ thống chính trị và đáp ứng nguồn nhân lực của xã hội; nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và tính ứng dụng trong hoạt động đào tạo và bồi dưỡng. *FM2*

3. Giá trị cốt lõi

Chất lượng, tiên phong, sáng tạo

Chất lượng: Ưu tiên đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học; người học vững lý luận, giỏi nghiệp vụ, thành thạo kỹ năng đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội; chất lượng sản phẩm nghiên cứu ngày càng tăng, tính ứng dụng ngày càng cao, được cộng đồng và xã hội thừa nhận.

Tiên phong: Đi đầu trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đoàn, đón đầu các ngành đào tạo theo xu hướng mới phù hợp với điều kiện của Học viện; tiếp cận tri thức mới, đi đầu trong nghiên cứu về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi, xu hướng mới của thanh thiếu nhi.

Sáng tạo: Đổi mới, sáng tạo trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và hoạt động thông tin, truyền thông; định hướng, thúc đẩy hoạt động sáng tạo thông qua trang bị kiến thức, kỹ năng, trải nghiệm và truyền cảm hứng cho cán bộ, viên chức và người học; xây dựng môi trường học tập, nghiên cứu khoa học dân chủ góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Học viện.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm chiến lược phát triển

1.1. Quan điểm chung

Phát triển Học viện phải bám sát nhiệm vụ chính trị của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục thanh thiếu nhi.

Phát triển đào tạo đại học, sau đại học là nhiệm vụ trọng tâm; phát triển bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ cơ bản, quan trọng.

Xây dựng và nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên là khâu đột phá, quyết định sự phát triển nhanh và bền vững của Học viện.

Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số để xây dựng mô hình đại học thông minh là tất yếu trong quá trình phát triển Học viện trở thành cơ sở giáo dục hiện đại.

Chủ động mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế, đào tạo nhân lực chất lượng cao có thể làm việc trong môi trường quốc tế là ưu tiên trong hội nhập quốc tế.

1.2. Quan điểm cụ thể

Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và thúc đẩy hợp tác đào tạo: Kết hợp giữa giữa phát triển theo chiều rộng và chiều sâu trong đào tạo: mở thêm các ngành đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ một cách hợp lý; tỷ lệ dự kiến giữa các bậc đào tạo là: 3% - 5% tiến sĩ, 10% - 15% thạc sĩ, 80% - 87% đại học; sớm nâng cấp Phân viện miền Nam thành Phân hiệu và phát triển đào tạo đại học, sau đại học. 

Đổi mới mạnh mẽ mô hình, phương thức đào tạo theo hướng tăng cường thực hành, thực tế, nâng cao chất lượng đào tạo; tăng cường ứng dụng công nghệ trong đào tạo, kiểm tra, đánh giá; đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển sinh để từng bước nâng cao chất lượng tuyển sinh. Chủ động tìm kiếm và ký kết hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế để phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo.

Phát triển và nâng cao chất lượng bồi dưỡng: Hoàn thiện các chương trình bồi dưỡng đang thực hiện và xây dựng những chương trình bồi dưỡng mới phù hợp với thực tế; tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng và tăng cường ứng dụng công nghệ trong bồi dưỡng.

Nghiên cứu, xây dựng, biên soạn hệ thống tài liệu, giáo trình bồi dưỡng theo từng chức danh cán bộ Đoàn, Hội, Đội các cấp; phối hợp với các ban, đơn vị Trung ương Đoàn để triển khai các lớp bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch.

Chủ động phối hợp với các tỉnh, thành đoàn trong bồi dưỡng cán bộ Đoàn, Hội, Đội; đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng các chương trình huấn luyện kỹ năng cho thanh thiếu niên.

Nâng cao chất lượng và mở rộng hợp tác nghiên cứu khoa học: Nâng cao chất lượng, tính ứng dụng các kết quả đề tài nghiên cứu, tổng kết kết những vấn đề lý luận về thanh thiếu nhi, công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi phục vụ sự chỉ đạo của Trung ương Đoàn.

Nâng tầm nghiên cứu của Học viện và Viện nghiên cứu Thanh niên; nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên phục vụ đào tạo, bồi dưỡng; chủ động tìm kiếm để đa dạng hóa các nguồn kinh phí nghiên cứu từ bên ngoài; hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh; chủ động hợp tác nghiên cứu với các đối tác trong nước và quốc tế.

Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế: Chủ động và tích cực tìm kiếm, tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học; xây dựng kế hoạch lựa chọn, cử cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên đi học tập, nghiên cứu tại nước ngoài; xây dựng kế hoạch đào tạo lưu học sinh khi có ký kết hợp tác với các đối tác hoặc theo hiệp định giáo dục mà Việt Nam ký kết với các nước; nghiên cứu tổ chức trao đổi sinh viên, nghiên cứu sinh ở các ngành học với các đối tác, cơ sở giáo dục ở nước ngoài”

Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động báo chí: Nâng cao chất lượng các ấn phẩm của Tạp chí Thanh niên, nhất là nâng điểm của tạp chí nghiên cứu khoa học thanh niên. Nâng tầm tổ chức các sự kiện sau mặt báo của Tạp chí Thanh niên tạo sự lan tỏa, uy tín trong thanh thiếu niên và xã hội.

Hoàn thiện bộ máy và nâng cao trình độ giảng viên, nghiên cứu viên: Tiếp tục nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và mở rộng quy mô đào tạo, nghiên

cứu khoa học; quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt tạo nguồn cán bộ lâu dài đảm bảo số lượng, chất lượng của Học viện và các đơn vị trực thuộc; hoàn thiện bộ máy theo hướng tinh, gọn, phù hợp với sự phát triển của Học viện và các đơn vị thành viên.

Thực hiện tự chủ và phát triển cơ sở vật chất: Xây dựng lộ trình tự chủ phù hợp với sự phát triển của Học viện; xây dựng quy hoạch và các dự án đầu tư phát triển cơ sở vật chất của Học viện tại Hà Nội và Phân viện miền Nam; mở rộng không gian với hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại, phục vụ hiệu quả các hoạt động và nâng cao đời sống của cán bộ.

2. Mục tiêu chiến lược phát triển

2.1. Mục tiêu chung

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam phấn đấu trở thành cơ sở giáo dục đại học đa ngành theo hướng ứng dụng có chất lượng, uy tín, đứng đầu trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn và nghiên cứu khoa học về công tác đoàn, phong trào thanh thiếu nhi; từng bước phát triển mô hình đại học thông minh và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và xây dựng đội ngũ

Cấu trúc bộ máy, cơ cấu tổ chức đảm bảo hợp lý, hoạt động hiệu quả, nâng cao chất lượng, tổ chức lại các đơn vị chuyên môn. Xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức và người lao động có cơ cấu hợp lý; nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ, đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định, đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác.

Phấn đấu đến năm 2030, giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm tỷ lệ 40%, phó giáo sư chiếm tỷ lệ 3%. Đến năm 2045, giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm tỷ lệ 50%, phó giáo sư chiếm tỷ lệ 5%; 100% cán bộ, viên chức đạt tiêu chuẩn theo chức danh, vị trí việc làm, đáp ứng tốt yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ; 100% đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên có khả năng ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý, làm việc, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Mục tiêu 2: Phát triển tài chính và cơ sở vật chất.

Ổn định nguồn tài chính, từng bước tự chủ, đảm bảo đủ phục vụ cho các hoạt động của Học viện. Đảm bảo và khai thác sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và dịch vụ. Thực hiện lộ trình tự chủ của Học viện theo quy định của Nhà nước; phấn đấu đến năm 2030 Học viện tự chủ 80% chi thường xuyên; đảm bảo nguồn thu dịch vụ từ 5 đến 7 tỷ/1 năm.

Tiếp tục đầu tư xây dựng các hạng mục công trình đáp ứng yêu cầu phát triển và mở rộng quy mô đào tạo của Học viện đạt chuẩn. Cụ thể: Có đầy đủ phòng

học, sân bãi dụng cụ theo quy mô đào tạo; cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước; sửa chữa, nâng cấp ký túc xá sinh viên; cải tạo cảnh quan, môi trường; xây mới nhà tập; sửa chữa, trang bị nâng cấp sân tập, đầu tư cơ sở vật chất, dụng cụ phục vụ học tập.

Mục tiêu 3: Đào tạo đại học và sau đại học

Nâng cao và khẳng định chất lượng đào tạo đại học và sau đại học, mở rộng quy mô trên cơ sở mở rộng ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; mở rộng, hợp tác đào tạo với các đối tác trong nước và quốc tế; chuyển định hướng đào tạo của Học viện từ đào tạo theo năng lực sang đào tạo theo nhu cầu xã hội. Phát triển quy mô đào tạo khoảng 10.000 sinh viên; phấn đấu đạt tỷ lệ sinh viên/1 giảng viên theo quy định; đảm bảo tỷ lệ 90% sinh viên tốt nghiệp hàng năm và 85% sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm. Đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo nhu cầu cho các đơn vị, doanh nghiệp.

Học viện phấn đấu đến năm 2030 có ít nhất 2 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, với quy mô đào tạo khoảng 30 nghiên cứu sinh; có ít nhất 05 ngành đào tạo trình độ cao học với quy mô đào tạo khoảng 200 học viên, trong đó có đào tạo cao học ngành công tác thanh thiếu niên; có ít nhất 10 ngành đào tạo trình độ đại học với quy mô đào tạo khoảng 8000 sinh viên; hàng năm bồi dưỡng khoảng 5000 cán bộ Đoàn, Hội, Đội các cấp; huấn luyện kỹ năng cho khoảng 1000 thanh thiếu niên; có quan hệ hợp tác đào tạo và nghiên cứu với ít nhất 08 đối tác nước ngoài.

Đến năm 2045, Học viện phấn đấu có ít nhất 05 ngành đào tạo tiến sĩ với quy mô đào tạo khoảng 80 nghiên cứu sinh; có ít nhất 10 ngành đào tạo cao học, với quy mô đào tạo khoảng 500 học viên. Có ít nhất 15 ngành đào tạo đại học, với quy mô đào tạo khoảng 10.000 sinh viên; hàng năm bồi dưỡng khoảng 6000 cán bộ Đoàn, Hội, Đội các cấp; huấn luyện kỹ năng khoảng 1500 thanh thiếu nhi/năm; có quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với ít nhất 15 đối tác nước ngoài.

Mục tiêu 4: Bồi dưỡng cán bộ

Nâng cao chất lượng bồi dưỡng cán bộ cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả bồi dưỡng cán bộ đoàn, góp phần nâng cao năng lực trình độ, tính thực tiễn, năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ đoàn các cấp; tạo nguồn cán bộ kế cận cho nhiệm kỳ Đại hội Đoàn các cấp; cung cấp nguồn cán bộ trẻ có chất lượng cho Đảng và hệ thống chính trị.

Tăng cường ứng dụng công nghệ, đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức bồi dưỡng cán bộ đoàn, phấn đấu mỗi năm Học viện tổ chức bồi dưỡng ít nhất 4500 lượt cán bộ đoàn các cấp; bồi dưỡng 500 cán bộ, công chức, viên chức theo chức ngạch và chức danh; huấn luyện kỹ năng cho 1.500 lượt cho thanh thiếu niên; tư vấn tâm lý cho 500 thanh thiếu nhi; bồi dưỡng, cấp chứng chỉ tin học, 

ngoại ngữ cho khoảng 1500 sinh viên và các cá nhân có nhu cầu; thực hiện tốt các lớp bồi dưỡng cán bộ làm công tác thanh niên cho Lào và Campuchia chỉ đạo của Trung ương Đoàn; chủ động phối hợp với các tỉnh, thành đoàn tổ chức bồi dưỡng theo nhu cầu.

Mục tiêu 5: Hoạt động khoa học và công nghệ

Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, góp phần đổi mới giáo dục đại học, phát triển bền vững kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế khu vực.

Hàng năm 100% giảng viên có công bố ít nhất 01 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước hoặc quốc tế; có ít nhất 01 báo cáo tại các hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và nước ngoài.

Mỗi năm triển khai ít nhất 20 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; 10 đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ; phần đầu 05 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên đạt giải cấp bộ; tổ chức ít nhất 01 hội nghị khoa học quốc tế; công bố từ 01 đến 02 cuốn sách chuyên khảo. Phát triển Trung tâm Thông tin - Thư viện thành Thư viện số, có đầy đủ học liệu, chú trọng số hóa tài liệu và nguồn học liệu điện tử, liên kết với hệ thống các thư viện liên quan.

Mục tiêu 6: Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tăng cường vai trò, sứ mệnh của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đối với cộng đồng thông qua các hoạt động kết nối, hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ, mang lại lợi ích cho các bên tham gia. Chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực thanh niên từ 2 đến 3 sản phẩm cho cộng đồng; đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện và các hoạt động công cộng, ủng hộ, giúp đỡ đồng bào vùng sâu, vùng khó khăn; tổ chức và tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong cộng đồng; tổ chức các loại hình hoạt động nhằm bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, giá trị văn hóa địa phương.

Mục tiêu 8: Bảo đảm chất lượng giáo dục

Xây dựng, cải tiến và nâng cao chất lượng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, hệ thống quản trị, quản lý và nguồn lực để đáp ứng toàn bộ các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng CSGD, CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Định kỳ đánh giá chất lượng CSGD, CTĐT. Thực hiện phân tầng, xếp hạng đạt chuẩn chất lượng giáo dục đại học trong nước. Mục tiêu phần đầu đến năm 2030, 100% các chương trình đào tạo của Học viện đủ điều kiện kiểm định chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục và đào tạo. Ưu tiên lựa chọn một số CTĐT để kiểm định chất lượng AUN-QA (Đông Nam Á). 

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao tính tự chủ của Học viện

Phát huy vai trò của Đảng bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động của Học viện. Đảng ủy Học viện thực sự đi đầu, đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước toàn thể cán bộ, đảng viên, viên chức và người lao động trong việc chỉ đạo tổ chức thực hiện các mục tiêu của chiến lược. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết về đổi mới hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thay đổi nhận thức, tư duy, tạo sự đồng thuận của toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức, người lao động để hiểu rõ sứ mệnh, tầm nhìn, thuận lợi khó khăn, cơ hội, thách thức và mục tiêu của Học viện trong giai đoạn mới để cùng nhau chung sức phát triển Học viện.

Tăng tính tự chủ cho các đơn vị phòng, khoa, trung tâm trực thuộc, phát huy sự năng động, sáng tạo của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chỉ đạo đột phá trong công tác cán bộ, tập trung bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và truyền thông.

Rà soát, hoàn thiện các chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn, đáp ứng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, khu vực; từng bước tiếp cận, chuyển giao các chương trình đào tạo chất lượng cao của các nước phát triển để áp dụng, triển khai tại Học viện. Xây dựng và thực hiện lộ trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. Biên soạn lại và biên soạn mới giáo trình, tài liệu học tập cho tất cả các môn học, mô đun phù hợp với điều kiện và các ngành đào tạo của Học viện.

2. Hoàn thiện bộ máy và nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, viên chức

Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, nhất là lộ trình phát triển đội ngũ giảng viên có tiềm năng trở thành cán bộ có trình độ cao, chuyên gia và đội ngũ lãnh đạo chủ chốt của Học viện; xây kế hoạch phát triển giảng viên từ nguồn tại chỗ và tuyển dụng bổ sung từ bên ngoài, đáp ứng yêu cầu mở ngành.

Ban hành chính sách ưu tiên, ưu đãi những giảng viên, nghiên cứu viên có năng lực phát triển thành cán bộ trình độ cao; sớm thực hiện chính sách ưu đãi để thu hút những giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ cao từ bên ngoài về công tác, nhất là những ngành ưu tiên phát triển; nâng mức khuyến khích, đãi ngộ giảng viên đi học nghiên cứu sinh trong nước và nước ngoài.

Phát triển đội ngũ các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín tham gia thỉnh giảng, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học; ban hành cơ chế đặc thù

với những ưu đãi đặc biệt để mời chuyên gia thực hiện những nhiệm vụ ưu tiên phát triển.

Chủ động cử cán bộ trong quy hoạch đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước; thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp nghiên cứu khoa học, viết bài báo quốc tế, viết giáo trình cho giảng viên, nghiên cứu viên.

Ban hành quy chế đánh giá khách quan, chính xác, khen thưởng thỏa đáng, tạo động lực thúc đẩy giảng viên, nghiên cứu viên và người lao động tích cực đổi mới, sáng tạo vì sự phát triển của Học viện. Thực hiện tốt công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, thi đua khen thưởng.

Sắp xếp lại bộ máy của Học viện, Phân hiệu miền Nam, Tạp chí Thanh niên, Viện Nghiên cứu Thanh niên; thành lập khoa Kinh tế, khoa Ngoại ngữ - Tin học, phòng Tuyển sinh và công tác sinh viên, phòng Hợp tác quốc tế... phù hợp với sự phát triển của Học viện. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của Học viện tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phân cấp và tăng quyền tự chủ cho các đơn vị trực thuộc.

Rà soát đánh giá đúng thực trạng và sắp xếp lại đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên đảm bảo đủ số lượng, chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, tổ chức đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho giảng viên, đặc biệt quan tâm đào tạo tài năng trẻ.

Thực hiện chính sách tinh giản biên chế đi đôi với thu hút, tuyển chọn cán bộ quản lý và giảng viên có trình độ chuyên môn, có năng lực và nghiệp vụ sư phạm. Có chính sách ưu tiên tuyển chọn, thu hút giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ cao về công tác tại Học viện.

Từng bước nâng cao thu nhập của cán bộ, viên chức và người lao động, quan tâm nâng cao chế độ đãi ngộ và các tiện nghi làm việc để cán bộ, viên chức yên tâm công tác, phục vụ sự nghiệp phát triển của Học viện.

3. Phát triển, nâng cao chất lượng và mở rộng hợp tác đào tạo

Thành lập các tổ công tác xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp và tiếp cận với các chương trình tiên tiến và hoàn thiện các chương trình đào tạo đang thực hiện theo hướng hiện đại, hội nhập, liên thông giữa các cấp học và liên thông giữa các ngành học và liên thông với bên ngoài. Xây dựng chương trình và thí điểm đào tạo lớp chọn, từng bước đào tạo chương trình chất lượng cao trong một số ngành có tiềm năng phát triển.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển mới; định kỳ tổ chức tập huấn đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy, đầu tư xây dựng công nghệ đào tạo trực tuyến, ứng dụng công nghệ trong kiểm tra, đánh giá; phát triển mạng lưới cơ sở

thực hành, thực tập, tạo cơ chế gắn kết giữa nhà trường với các cơ sở thực hành; liên kết, hợp tác với doanh nghiệp, nhất là Hội doanh nhân trẻ Việt Nam trong đào tạo các ngành kinh tế.

Tăng mức chi biên soạn giáo trình, tập bài giảng các môn học; mời các chuyên gia hàng đầu tham gia biên soạn và thẩm định giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo; đầu tư kinh phí xây dựng thư viện điện tử.

Sớm hình thành bộ phận chuyên trách về hợp tác quốc tế để chủ động tìm và xúc tiến ký kết hợp tác đào tạo, nghiên cứu với các cơ sở đào tạo nước ngoài; thực hiện trao đổi giảng viên, sinh viên; hàng năm, đầu tư ngân sách cho hoạt động hợp tác quốc tế, tham gia hội thảo quốc tế, trao đổi học thuật, ký kết hợp tác với các trường đại học uy tín.

Hoàn thành kiểm định trong và kiểm định ngoài năm 2026; lựa chọn một số ngành có tiềm năng hợp tác với nước ngoài để kiểm định quốc tế. Hình thành bộ phận tuyển sinh chuyên nghiệp và đầu tư mạnh cho công tác tư vấn, xây dựng sản phẩm truyền thông; phối hợp với các tỉnh, thành đoàn trong tuyển sinh, nâng cao chất lượng tuyển sinh đầu vào.

Xây dựng cơ chế, chính sách để số lượng chuyên gia, lãnh đạo tổ chức đến tham gia thỉnh giảng, trao đổi cho từng ngành học ngày càng nhiều và có hiệu quả thực chất. Bên cạnh các hoạt động chung giữa các khóa, các ngành; các khoa chủ động triển khai mời chuyên gia, đảm bảo mỗi học kỳ, mỗi khóa đều có ít nhất 01 chuyên gia trong nước hoặc quốc tế tham dự, gắn vào 01 học phần cụ thể của học kỳ đó. Các chuyên gia lựa chọn phải đáp ứng được yêu cầu của Học viện.

Triển khai các chính sách về học phí, học bổng, dịch vụ nội trú, việc làm, tư vấn học đường nhằm quan tâm, kết nối, cung cấp dịch vụ tốt hơn cho sinh viên, nhất là tân sinh viên, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Đổi mới liên tục công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác đoàn thanh niên, đào tạo kỹ năng mềm để hỗ trợ tích cực cho việc học các môn chuyên ngành của sinh viên.

4. Phát triển và nâng cao chất lượng bồi dưỡng

Chủ động phối hợp với các ban, đơn vị tham mưu Trung ương Đoàn tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ của Đề án bồi dưỡng cán bộ đoàn giai đoạn 2023-2027 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Đề án bồi dưỡng cán bộ chủ chốt đoàn thanh niên nhân dân cách mạng Lào-Campuchia giai đoạn 2023-2027 và các đề án của các giai đoạn tiếp theo; đổi mới mô hình và phương thức bồi dưỡng, tăng cường trao đổi, thảo luận, xử lý tình huống để tổ chức tốt các lớp bồi dưỡng cán bộ đoàn theo yêu cầu đặt hàng của Trung ương Đoàn; ứng dụng công nghệ bồi dưỡng trực tuyến và đánh giá trực tuyến trên máy tính.

Tổ chức nghiên cứu rà soát điều chỉnh các chương trình và tài liệu đã ban hành theo hướng tăng cường cập nhật kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng mới; nghiên

cứu đề xuất xây dựng các chương trình và đầu tư biên soạn các tài liệu bồi dưỡng mới phù hợp với tình hình thực tế.

Chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức mới, đổi mới phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên, báo cáo viên cơ hữu và xây dựng đội ngũ cộng tác viên là các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín là cán bộ đoàn chủ chốt có uy tín, kinh nghiệm và đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực. Xây dựng cơ chế, quy định đưa đội ngũ giảng viên tham gia thực tế tại Trung ương Đoàn và các cơ sở đoàn để tăng cường tính thực tiễn.

Chủ động hợp tác bồi dưỡng cán bộ đoàn với các tỉnh, thành đoàn; tích cực, chủ động mở các lớp bồi dưỡng công chức, viên chức theo ngạch và chức danh. Phát triển đào tạo ngoại ngữ, tin học cho sinh viên; xây dựng các chương trình huấn luyện kỹ năng mới cho thanh thiếu niên và đổi mới phương thức huấn luyện kỹ năng; phát triển dịch vụ tư vấn tâm lý xã hội cho thanh thiếu niên.

5. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học

Chủ động đề xuất các chương trình nghiên cứu cấp nhà nước và cấp bộ về thanh thiếu nhi, công tác Đoàn, phong trào thanh thiếu nhi phục vụ sự chỉ đạo của Trung ương Đoàn; định hướng nghiên cứu phục vụ đào tạo và bồi dưỡng; Tăng mức cấp kinh phí đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở và nghiên cứu khoa học sinh viên, đồng thời yêu cầu cao từ khâu xét chọn, đầu thầu, đánh giá kết quả và sản phẩm để nâng cao chất lượng và tính ứng dụng của các đề tài nghiên cứu khoa học; tăng mức hỗ trợ, khen thưởng nhằm khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên đăng bài khoa học trên các tạp chí quốc tế; ban hành cơ chế gắn kết giữa nghiên cứu với giảng dạy.

Ban hành chính sách khuyến khích nghiên cứu viên học nâng cao trình độ; hàng năm, tổ chức tập huấn phương pháp nghiên cứu khoa học, viết bài báo quốc tế, giáo trình để nâng cao năng lực nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên; hình thành một số nhóm nghiên cứu mạnh đủ sức đăng ký đầu thầu đề tài nghiên cứu khoa học NAFOSTED và đề tài của các Bộ, ngành, địa phương; chủ động hợp tác với các tỉnh, thành đoàn nghiên cứu về thanh thiếu nhi, công tác đoàn, phong trào thanh thiếu nhi; chủ động hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước; xây dựng đội ngũ cộng tác viên là các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín trong các lĩnh vực.

Nâng cao vai trò của Viện Nghiên cứu Thanh niên trong việc điều tra nắm bắt dư luận xã hội của thanh niên và viết bài đăng trên các tạp chí lý luận và Tạp chí Thanh niên về các chủ đề bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; chú trọng chất lượng tham mưu các báo cáo tư vấn, chính sách, khuyến nghị tới Đảng, Nhà nước, Chính phủ về các vấn đề của thanh niên; dự báo những biến đổi trong thực tiễn về

tình hình thanh niên, công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi được rút ra từ các kết quả nghiên cứu khoa học hằng năm.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả của Tạp chí Thanh niên, chủ động đặt hàng các chuyên gia viết bài theo các nhóm chủ đề, nâng cao chất lượng thẩm định, duyệt bài của tạp chí nghiên cứu khoa học thanh niên. Mở thêm các chuyên mục mới, đổi mới hình thức ấn phẩm của tạp chí thanh niên phù hợp với tâm lý tuổi trẻ; tăng cường gắn kết giữa nghiên cứu, đào tạo với tạp chí; chủ động phối hợp với các tỉnh, thành đoàn để phát hành ấn phẩm, phát triển cộng tác viên.

7. Hiện đại hóa cơ sở vật chất và quản lý khai thác có hiệu quả

Triển khai dự án đầu tư xây dựng nhà hiệu bộ và giảng đường chính tại Hà Nội và các dự án đầu tư tại Phân viện miền Nam; khảo sát lập dự án các đầu tư xây dựng mới tại Hà Nội; xin thêm đất để xây dựng cơ sở 2 trình Trung ương Đoàn và các cơ quan chức năng; quy hoạch và lập các dự án xây dựng tại Phân viện miền Nam trình Trung ương Đoàn phê duyệt; hoàn thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Phân viện miền Nam.

Xây dựng đề án chuyển đổi số của Học viện hướng tới xây dựng đại học thông minh trình các cơ quan chức năng phê duyệt; nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin mạnh và tiên tiến.

Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động của Học viện và các đơn vị thành viên. Xây dựng phương án khai thác, sử dụng và phát huy có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có để phục vụ cho giảng dạy và học tập. Mở rộng quan hệ với doanh nghiệp nhằm khai thác chung tài nguyên (cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ,...).

8. Giải pháp tự chủ về tài chính

Chủ động liên kết khai thác cơ sở vật chất tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; khuyến khích phát triển các dịch vụ, tạo thêm nguồn thu; quan tâm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ; xây dựng môi trường làm việc trẻ trung, thân thiện, năng động, sáng tạo, đoàn kết, nhân văn.

Nghiên cứu thị trường, nắm bắt nhu cầu dịch vụ của các ngành kinh tế, xã hội, nhu cầu của người dân và doanh nghiệp gắn với các lĩnh vực đào tạo của Học viện để triển khai thực hiện dịch vụ.

Tiếp tục duy trì, phát triển các trung tâm để thực hiện dịch vụ; xây dựng kế hoạch, lộ trình để lựa chọn khoán thí điểm thu, chi cho một số trung tâm.

Chủ động đa dạng hóa nguồn thu từ đào tạo, dịch vụ khoa học, sản phẩm khoa học, hợp tác quốc tế, hỗ trợ có mục tiêu của doanh nghiệp. Chủ động tìm nguồn kinh phí ngoài nhà nước, nguồn đầu tư của nước ngoài và của các tổ chức quốc tế. 

Đổi mới cơ chế, cơ cấu và phương thức phân phối tiền lương theo hướng đảm bảo công bằng và khuyến khích cán bộ, viên chức đóng góp cho sự phát triển Học viện.

Từng bước thực hiện quản lý tài chính theo cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp, sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính, đảm bảo tài chính mạnh và chủ động.

Tăng nguồn thu từ ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp thông qua việc thực hiện các chương trình dự án, xây dựng lộ trình thu học phí phù hợp. Phấn đấu đến năm 2025, Học viện tự chủ 40% chi thường xuyên; đến năm 2030 tự chủ 80% chi thường xuyên và tiến tới tự chủ hoàn toàn.

9. Đẩy mạnh truyền thông, hướng nghiệp

Xây dựng kế hoạch quảng bá, tư vấn, giới thiệu về Học viện; kết hợp với các trường đại học trong nước và quốc tế tổ chức đón sinh viên đến trải nghiệm, tham quan cơ sở vật chất, thiết bị và giới thiệu các ngành nghề đào tạo của Học viện.

Xuất bản các video, ấn phẩm quảng cáo, hình ảnh, các pano tuyển sinh,... và giới thiệu về trường, các ngành nghề đào tạo của Học viện. Đồng thời tổ chức và tham gia ngày hội tuyển sinh, ngày hội việc làm của trường để thông tin, giới thiệu về Học viện nhằm thúc đẩy, nâng cao chất lượng cũng như hiệu quả trong công tác tuyển sinh.

Liên kết, phối hợp với các doanh nghiệp để sinh viên có điều kiện thực tập tại các doanh nghiệp cũng như tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Cập nhật thường xuyên thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp trên website Học viện nhằm hỗ trợ cho sinh viên tìm kiếm việc làm; từ đó khuyến khích, động viên tinh thần học tập, gắn bó với ngành nghề được đào tạo ngay từ khi đang học tập tại Học viện.

10. Đảm bảo chất lượng giáo dục

- Xây dựng và hoàn thiện mạng lưới bộ phận đảm bảo chất lượng tại các đơn vị. Phấn đấu đến năm 2030, 100% các đơn vị đều có đầu mối thực hiện công tác đảm bảo chất lượng.

- Xây dựng quy trình, quy định, sổ tay đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện.

- Xây dựng quy trình để Học viện đến năm 2030 có thể thực hiện công tác tham gia xếp hạng. Lựa chọn tổ chức xếp hạng, từng bước nghiên cứu các tiêu chuẩn và chuẩn bị công tác xếp hạng nhằm nâng cao uy tín của Học viện

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 được thực hiện thông qua Kế hoạch 5 năm và được cụ thể hóa

thành kế hoạch, nhiệm vụ hằng năm do Giám đốc ban hành. Chiến lược phát triển Học viện là tài liệu quan trọng, căn bản, thiết thực có định hướng phát triển lâu dài, được phổ biến, quán triệt rộng rãi trong toàn Học viện.

2. Các đơn vị trong Học viện chủ động xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ hằng năm của đơn vị mình trên cơ sở kế hoạch, nhiệm vụ chung của Học viện và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đề ra. Các tổ chức Công đoàn, chi Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên chủ động, sáng tạo xây dựng kế hoạch hành động thực hiện chiến lược phát triển Học viện.

3. Hằng năm, Học viện tổ chức đánh giá việc thực hiện Chiến lược, trên cơ sở đó xác định, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu của Học viện trong năm học tiếp theo phù hợp với thực tiễn. Đến năm 2025, Học viện tổ chức sơ kết bước đầu việc thực hiện Chiến lược làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển cho 5 năm tiếp theo. *pm*
